TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2024/DSST
Ngày: 16/9/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

Bà **Trần Kim Chi.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2024/QĐST-DS ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lưu Chí H,** sinh năm 1962;

Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: ấp Phú Qúi, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Huỳnh Thị Ánh H,** sinh năm 1971;

Võ Văn H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Ông H, bà V có mặt; chị H, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông H, bà V cùng trình bày:

Năm 2022, bà Hồng có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông H, bà V làm đầu thảo, cụ thể:

+ Hụi khui ngày 20/7/2022 âm lịch, hụi tháng 2.000.000đồng, có 16 phần, bà Hồng tham gia một phần, bà H đóng được hụi sống 01 kỳ, bà H hốt hụi ở kỳ thứ 2,

bà hốt số tiền 22.560.000đồng, bà có làm biên nhận hụi và hốt hụi ngày 25/8/2022 âm lịch do bà H ký tên xác nhận. Sau khi hốt hụi bà H đóng được 01 kỳ hụi chết. Dây hụi này bà H còn nợ 13 kỳ x 2.000.000đồng = 26.000.000đồng.

+ Hụi khui ngày 02/9/2022 âm lịch, hụi tháng 1.000.000đồng, có 20 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H hốt hụi ở kỳ khui thứ 2 với số tiền 13.460.000đồng. Bà H còn nợ 18 kỳ x 1.000.000đồng = 18.000.000đồng.

+ Hụi khui ngày 02/10/2022 âm lịch, hụi tháng 1.000.000đồng, có 20 phần, bà H tham gia một phần, bà H hốt ở kỳ khui hụi thứ nhất với số tiền 12.990.000đồng, bà H không đóng hụi chết, năm này có nhuần hai tháng 03. Bà H nợ 19 kỳ x 1.000.000đồng = 19.000.000đồng.

Đồng thời bà H, ông H còn mượn vợ chồng ông bà số tiền 171.000.000đồng, cụ thể:

+ Ngày 16/6/2023 (nhằm ngày 29/4/2023 âm lịch) bà H mượn số tiền 91.000.000đồng, không có thỏa thuận trả lãi, hạn 03 tháng sau trả lại nhưng đến nay không trả, khi mượn có làm biên nhận cùng ngày do bà H ký tên xác nhận.

+ Ngày 20/3/2020 (nhằm ngày 28/3/2020 âm lịch) bà H cùng chồng là ông Võ Văn H mượn số tiền 20.000.000đồng, hẹn 03 tháng sau trả lại và thỏa thuận trả lãi 08%/tháng, có đóng lãi được 03 tháng, sau đó ngưng cho đến nay. Khi mượn có bà H, ông H ký tên xác nhận vào biên nhận nhận tiền.

+ Ngày 24/9/2020 (nhằm ngày 08/8/2020 âm lịch) vợ chồng bà H, ông H mượn vợ chồng ông bà số tiền 40.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 08%/tháng, hẹn 03 tháng sau trả lại. Bà H, ông H có trả được 03 tháng tiền lãi, sau đó thì nhưng cho đến nay. Khi mượn bà H, ông H có ký tên xác nhận vào biên nhận nhận tiền.

+ Ngày 29/10/2020 (nhằm ngày 13/9/2020 âm lịch) vợ chồng bà H, ông H có mượn số tiền 20.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 08%/tháng, hẹn 03 tháng sau trả lại, ông bà có trả được 03 tháng tiền lãi thì nhưng cho đến nay. Khi mượn tiền thì bà H, ông H có ký tên xác nhận nhận tiền ngày 29/10/2020.

Bà H chơi hụi trong thời gian dài, có thu nhập để phục nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà H, ông H là vợ chồng, hiện đang chung sống với nhau nên ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số tiền nêu trên.

Nay, ông bà yêu cầu bà H, ông H liên đới trả tổng số tiền nợ là 234.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà H, ông H vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Lưu Chí H, bà Nguyễn Thị Thu V và bà Huỳnh Thị Ánh H, ông Võ Văn H là tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết

theo theo Điều 463, 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà H, ông H vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông bà.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, ông H, bà V gữa nguyên yêu cầu bà H, ông H cùng liên đới trả số tiền nợ hụi là 63.000.000đồng và tiền vay là 171.000.000đồng, tổng cộng là 234.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H, bà V, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa ông H, bà V và bà H có xác lập hợp đồng góp hụi và giữa ông H, bà V và bà H, ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là 04 tờ giấy biên nhận nhận tiền vay ngày 20/3/2020, ngày 24/9/2020, ngày 29/10/2020 và ngày 16/6/2023 với tổng số tiền là 171.000.000đồng do bà ký tên và ghi rõ họ tên xác nhận và 03 giấy biên nhận nhận tiền hụi ngày 02/9/2022 âm lịch, ngày 02/10/2022 âm lịch và ngày 20/7/2022 âm lịch với tổng số tiền hụi là 63.000.000đồng do bà H, ông H ký tên và ghi rõ họ tên xác nhận, hiện các dây hụi đã mãn. Các dây hụi, bà H đã hốt nhưng không đóng hụi chết đầy đủ cho chủ hụi là vi phạm nghĩa vụ của thành viên trong dây hụi theo quy định tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường cũng như bà H, ông H không thực hiện trả nợ gốc, trả lãi như thỏa thuận đã làm thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, bà V.

Việc bà H chơi hụi, ông H không trực tiếp tham gia nhưng ông H, bà H là vợ chồng, hiện sống chung một nhà, việc tham gia chơi hụi diễn ra trong thời gian dài, bà H tham gia nhiều dây hụi nên ông H phải biết và thu nhập có từ việc chơi hụi để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H cũng liên đới với bà H trả số tiền nợ nêu trên là hoàn toàn có cơ sở.

Tòa án nhiều lần mời ông H, bà H đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng ông bà vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như bà H, ông H không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cần buộc bà H, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H, bà V tổng số tiền 234.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Chí H, bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh H và ông Võ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lưu Chí H, bà Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ hụi và tiền vay là 234.000.000đồng *(Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H, bà V cho đến khi thi hành án xong, chị H, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà H, ông H phải chịu số tiền 11.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà V được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, cbà H, ông H kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô.